**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ HÀ TIÊN**
**TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 6 - 2018
V/v: Không công nhận vợ chồng.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Huỳnh Văn Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Út.

2. Bà Trần Thị An.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung và không cấp dưỡng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thúy Ph (tên gọi khác: B), sinh năm 1982.

Địa chỉ: số 114/1, đường Lam Sơn, khu phố H, phường B, thị xã P, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1980.

Địa chỉ: số 266/25, đường Vườu Cao Su, tổ 6, khu phố B, phường T, thị xã P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2018 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Thúy Ph trình bày*: Năm 2010 tôi và anh Nguyễn Tuấn A bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng; không có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Qua

chung sống vợ chồng không có hạnh phúc; vì anh Tuấn A thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, đánh đập vợ con. Do tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án xem xét cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.

Về con chung: Tôi và anh Tuấn A có 01 con chung là Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 01/10/2012 - giới tính nữ; từ khi sinh ra đến nay do tôi trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Ngọc A đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và anh Tuấn A không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo biên bản xác minh ngày 07/5/2018 bà Lâm Hồng Th trình bày*: Nguyễn Tuấn A là con ruột thứ út của tôi; Tuấn A và Phạm Thị Thúy Ph tự chung sống với nhau từ khoảng năm 2010, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống Tuấn A và Ph có 01 con chung tên Phạm Thị Ngọc A, sinh năm 2012 hiện đang chung sống với mẹ (Ph). Việc Thúy Ph xin ly hôn đối với Tuấn A là do cả hai tự quyết định, tôi không có ý kiến.

*Ý kiến của Viện kiểm sát:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng quy định của pháp luật. Việc bị đơn không tham gia tố tụng vụ án là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Phạm Thị Thúy Ph và anh Nguyễn Tuấn A. Căn cứ Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; giao cháu Phạm Thị Ngọc A cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; ghi nhận việc chị Ph không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Buộc chị Ph chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc chị Phạm Thị Thúy Ph tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng đối với anh Nguyễn Tuấn A có nơi cư trú tại khu phố B, phường T, thị xã P, tỉnh Kiên Giang; nên được xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Việc Tòa án tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng về thụ lý vụ án; xem xét xác minh thu thập tài liệu chứng cứ và thông báo để các bên đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ đều được

kịp thời và đúng quy định của pháp luật. Đảm bảo sự có mặt tham gia xét xử của đại diện Viện kiểm sát và trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Không xem xét yêu cầu phản tố do bị đơn không có yêu cầu.

[3] Việc bị đơn Nguyễn Tuấn A vắng mặt theo Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ cũng đã được Tòa án Thông báo và tống đạt hợp lệ về kết quả phiên họp theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc bị đơn Nguyễn Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan vắng mặt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa.

[4] Xét về quan hệ hôn nhân: Xét việc xin ly hôn của chị Thúy Ph đối với anh Tuấn A, là do anh Tuấn A thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn; không quan tâm đến đời sống, tình cảm vợ con và còn gây sự đánh đập làm cho chị Thúy Ph không thể chịu đựng nỗi; từ đó chị Thúy Ph xét thấy cần phải xin ly hôn anh Tuấn A. Căn cứ các biên bản xác minh đối với chính quyền địa phương và bà Lâm Hồng Th (mẹ ruột bị đơn Nguyễn Tuấn A) được biết Nguyễn Tuấn A cư trú tại số 266/25, đường Vườu Cao Su, tổ 6, khu phố B, phường T, thị xã P, tỉnh Kiên Giang; có thời gian chung sống như vợ chồng đối với Phạm Thị Thúy Ph; có 01 đứa con chung và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn… "*Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ.*". Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch.*

*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.*". Và tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…*". Căn cứ theo quy định của pháp luật đã viện dẫn nói trên; Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Thúy Ph và anh Nguyễn Tuấn A.

[5] Về con chung: Chị Thúy Ph và anh Tuấn A có 01 con chung là cháu Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 01/10/2012 - giới tính nữ; từ khi sinh ra đến nay do chị Ph

trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Ph yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc A đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy việc yêu cầu của chị Ph là thực tế và đúng với quy định của pháp luật; tạo điều kiện cho cháu Ngọc A tiếp tục chung sống với mẹ đến tuổi trưởng thành là phù hợp; đồng thời ghi nhận việc chị Ph không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Theo chị Thúy Ph trình bày cả hai không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và miễn xem xét trong cùng vụ án.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị Thúy Ph phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9; Điều 14 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

1. Tuyên Bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Thúy Ph và anh Nguyễn Tuấn A.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 01/10/2012 - giới tính nữ cho chị Phạm Thị Thúy Ph trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ghi nhận việc chị Phạm Thị Thúy Ph không yêu cầu anh Nguyễn Tuấn A cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Anh Nguyễn Tuấn A và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung là cháu Phạm Thị Ngọc A của chị Phạm Thị Thúy Ph. Chị Phạm Thị Thúy Ph và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Tuấn A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phạm Thị Ngọc A.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận và không xem xét về tài sản chung và nợ chung, do chị Thúy Ph không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Thị Thúy Ph phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Thúy Ph đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004445 ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, nên chị Thúy Ph không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thị xã Hà Tiên;
- Chi cục thi hành án dân sự tx Hà Tiên;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

***Huỳnh Văn Vân***